

Bản án số: 84/2024/HS-ST

Ngày 10 - 9 - 2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUỲNH LƯU, TỈNH NGHỆ AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Ngọc Hà

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lê Thị Thanh Thủy và ông Hồ Hữu Thỏa

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Hoàng Phương- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thị Thanh Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 78/2024/TLST-HS ngày 16 tháng 8 năm 2024; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 97/2024/QĐXXST-HS ngày 28 tháng 8 năm 2024, đối với các bị cáo:

1. Trần Văn T (tên gọi khác: Không), sinh ngày 18/4/1997 tại huyện QL, tỉnh Nghệ An.

Nơi cư trú: Thôn 1, xã QM, huyện QL, tỉnh Nghệ An; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: Lớp 0/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; giới tính: Nam; con ông: Trần Văn T (đã chết) và bà Trần Thị M, sinh năm 1964; Vợ: Hoàng Thị Y, sinh năm 1999 (đã ly hôn), con: Có 02 con, lớn sinh năm 2023, nhỏ sinh năm 2024; tiền án, tiền sự, nhân thân: Không. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 26/6/2024 đến ngày 02/7/2024 thì được tại ngoại; có mặt.

2. Trịnh Văn T (tên gọi khác: Không), sinh ngày 02/9/1997 tại huyện QL, tỉnh Nghệ An.

Nơi cư trú: Thôn HY, xã QH, huyện QL, tỉnh Nghệ An; nghề nghiệp: Thợ điện; trình độ học vấn: Lớp 12/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo:

Công giáo; giới tính: Nam; con ông: Trịnh Đình H, sinh năm 1948 và bà Hoàng Thị N, sinh năm 1966; Vợ: Nguyễn Thị T, sinh năm 1999, con: Có 03 con, lớn nhất sinh năm 2019, nhỏ nhất sinh năm 2023; tiền án, tiền sự, nhân thân: Không. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 26/6/2024 đến ngày 02/7/2024 thì được tại ngoại; có mặt.

Người bào chữa cho bị cáo T: Bà Hoàng Thị Hà – Trợ giúp viên pháp lý, Trung T trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Nghệ An, có mặt

Bị hại: Anh Hồ Văn H, sinh năm 1988, vắng mặt

Trú tại: Xóm 10, xã NS, huyện QL, tỉnh Nghệ An.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1. Chị Bhling Thị R, sinh năm 1993; có mặt

Trú tại: Thôn 1, xã QM, huyện QL, tỉnh Nghệ An.

2. Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1999; vắng mặt

Trú tại: Thôn HY, xã QH, huyện QL, tỉnh Nghệ An.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do cần tiền tiêu xài cá nhân nên vào khoảng 11 giờ ngày 25/06/2024, Trần Văn T điều khiển xe mô tô Biển kiểm soát 37K4-7981 một mình đến khu vực đang thi công công trình mương nước đồng ruộng (do anh Hồ Văn H làm chủ) tại thôn 2, xã QM, huyện QL, tỉnh Nghệ An để trộm cắp tài sản. Khi đến nơi, T trông thấy trên vị trí đường đất bên cạnh mương nước có 01 chiếc xe cải tiến loại xe tự chế, trong TH xe có 01 chiếc máy uốn sắt; 01 chiếc máy đầm tay; 01 chiếc máy cắt; 01 máy hàn; 01 cuộn dây điện dài 15m; 01 cuộn dây truyền tải điện dài 15m; 01 cuộn dây thép ly đường kính 0,5 mm không có ai trông coi. Sau đó, T đã lên lút kéo chiếc xe tự chế cùng toàn bộ các tài sản có trên thùng xe nối với yên sau xe xe mô tô của T rồi điều khiển xe mô tô chở theo tài sản lấy trộm được đi bán. T đi đến địa phận xóm 1, xã Quỳnh Hưng, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An thì trông thấy bên đường có cửa hàng “Trịnh T” do Trịnh Văn T làm chủ, để bán tài sản vừa trộm cắp được. T khi thấy những tài sản T muốn bán thì đã nhận ra ngay đây là những tài sản do trộm cắp mà có, T hỏi T là máy của ai thì T trả lời máy của T. T có hỏi lại là trước đây mua bao nhiêu tiền thì T trên trả lời là trước đây mua 3.800.000đ. Vì là người có kinh nghiệm trong nghề cơ khí nên T nhận thấy giá trị thật của các chiếc máy nói trên khoảng 6 đến 7 triệu đồng và T không có dằn dấp của một người làm nghề chủ

thầu xây dựng nên lúc đó T đã biết được số tài sản mà T bán cho T là tài sản do trộm cắp mà có. Vì thấy giá trị tài sản rẻ hơn so với ngoài thị trường nên T đã chuyển khoản cho T số tiền 2.100.000đ để mua lại các tài sản trên nhằm mục đích sử dụng hoặc bán lại kiếm lời.

Sau khi phát hiện bị mất trộm tài sản, ngày 25/6/2024, anh Hồ Văn H đã làm đơn trình báo đến Công an xã Quỳnh Mỹ để điều tra xác minh.

Đến khoảng 22 giờ 00 phút cùng ngày, T có vào mạng xã hội Facebook để xem tin tức thì thấy trên trang Facebook "Quỳnh Lưu" có đăng thông tin vụ việc mất trộm tài sản tại xã Quỳnh Mỹ nên T đã gọi điện cho chủ tài sản nói về việc bản thân T đã mua tài sản của họ. Đến khoảng 23 giờ cùng ngày thì T đã gọi điện thoại cho T và nói xin chuộc lại tài sản. Khoảng 23 giờ 30 phút cùng ngày thì T kéo xe cải tiến chở theo toàn bộ tài sản đã mua trước đó bàn giao lại cho T và nhận lại số tiền 2.100.000đ. Sau khi chuộc lại tài sản trộm cắp được, T chở toàn bộ đưa về nhà cất giữ đến khoảng hơn 04 giờ ngày 26/6/2024, T chở toàn bộ số tài sản đến công trình xây dựng của anh H để lại vị trí ban đầu rồi đi về nhà. Đến sáng ngày 26/6/2024, Trần Văn T và Trịnh Văn T đến Công an xã Quỳnh Mỹ, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An để đầu thú, khai nhận rõ về hành vi phạm tội.

Tại bản kết luận định giá tài sản số: 602/KL-TCKH ngày 02/7/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự UBND huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An, kết luận: 01 xe kiến an tự chế hai bánh, đã qua sử dụng, được mua vào năm 2021 với số tiền 3.000.000đ có giá trị tại thời điểm cần định giá là 1.000.000đ. 01 máy uốn sắt tự chế, màu xanh, ký hiệu HS-22S, đã qua sử dụng, được mua vào ngày 17/6/2024 với số tiền 7.000.000đ có giá trị tại thời điểm cần định giá là: 6.500.000đ. 01 máy đầm tay màu đỏ, có kí hiệu H.Z trên tay cầm, đã qua sử dụng, được mua vào năm 2022 với số tiền 1.000.000đ có giá trị tại thời điểm cần định giá là 600.000đ. 01 máy cắt nhãn hiệu CATOREX, loại CTR-3555, đã qua sử dụng được mua vào tháng 4 năm 2023 với số tiền 3.200.000đ có giá trị tại thời điểm cần định giá là 1.500.000đ. 01 máy hàn màu đỏ nhãn hiệu LGwelder, đã qua sử dụng được mua vào tháng 11 năm 2023 với số tiền 1.200.000đ có giá trị tại thời điểm cần định giá là: 600.000đ. 01 cuộn dây điện hình tròn, dài 15m, màu xanh, một đầu dây có gắn phích cắm, đầu dây còn lại gắn ổ cắm, đã qua sử dụng, được mua vào năm 2024 với số tiền 140.000đ có giá trị tại thời điểm cần định giá là 100.000đ. 01 cuộn dây chuyên điện dài 15m màu vàng, một đầu dây có gắn phích cắm, đầu dây còn lại gắn ổ cắm, đã qua sử dụng được mua vào năm 2024 với số tiền 140.000đ có giá trị tại

thời điểm cần định giá là 100.000đ. 01 cuộn dây thép ly, loại 0,5mm được mua vào năm 2024 với số tiền 50.000đ có giá trị tại thời điểm cần định giá là 50.000đ. Tổng giá trị là 10.450.000đ.

Bản cáo trạng số 87/CT-VKS-QL ngày 14 tháng 8 năm 2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Lưu, truy tố bị cáo Trần Văn T về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự; truy tố bị cáo Trịnh Văn T về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” theo quy định tại khoản 1 Điều 323 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa hôm nay, Kiểm sát viên vẫn giữ nguyên quan điểm đã truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Trần Văn T phạm tội “Trộm cắp tài sản”; Trịnh Văn T phạm tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”.

Đề nghị: - Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự đối với Trần Văn T.

- Áp dụng khoản 1 Điều 323; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 36 Bộ luật hình sự đối với Trịnh Văn T.

Xử phạt bị cáo Trần Văn T từ 12 tháng -15 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 24- 30 tháng. Không phạt bổ sung bị cáo T.

Xử phạt bị cáo Trịnh Văn T từ 09 tháng -12 tháng cải tạo không giam giữ. Không khấu trừ thu nhập bị cáo T.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại đã nhận lại tài sản, không yêu cầu gì thêm nên miễn xét.

Về vật chứng vụ án: Trả lại cho chị Bhling Thị R 01 chiếc xe mô tô biển kiểm soát 37K4-7981 và 01 chiếc điện thoại Sam sung galaxy A32; trả lại cho chị Nguyễn Thị Thu 01 chiếc điện thoại Vivo V2154.

Bà Hoàng Thị Hà – Trợ giúp viên pháp lý, Trung T trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Nghệ An, bào chữa cho bị cáo T (diện hộ cận nghèo); Đề nghị xử phạt bị cáo T 09-12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo; không phạt bổ sung bị cáo và miễn án phí hình sự cho bị cáo.

Tại phiên tòa, bị cáo Trần Văn T thừa nhận hành vi phạm tội của mình như Cáo trạng đã truy tố về tội “Trộm cắp tài sản”; bị cáo Trịnh Văn T thừa nhận hành vi phạm tội của mình như Cáo trạng đã truy tố về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” là đúng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được

tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Xét hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Quỳnh Lưu, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Lưu, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không có ý kiến khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Đối chiếu lời khai của các bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, xét thấy phù hợp với thời gian, địa điểm mà bị cáo thực hiện hành vi phạm tội, nên có đủ cơ sở kết luận vào khoảng 11 giờ 30 phút ngày 25/6/2024, Trần Văn T đã lén lút trộm cắp của anh Hồ Văn H các tài sản gồm 01 chiếc xe cải tiến loại xe tự chế, trong tH xe có 01 chiếc máy uốn sắt tự chế; 01 chiếc máy đầm tay; 01 chiếc máy cắt; 01 máy hàn; 01 cuộn dây điện dài 15m; 01 cuộn dây truyền tải điện dài 15m; 01 cuộn dây thép ly đường kính 0,5 mm có tổng giá trị tại thời điểm bị chiếm đoạt là 10.450.000đ (Mười triệu bốn trăm năm mươi nghìn đồng) rồi bán cho Trịnh Văn T.

Trịnh Văn T mặc dù biết các tài sản trên do T bán là tài sản do trộm cắp mà có nhưng vẫn mua lại các tài sản trên với giá 2.100.000đ nhằm mục đích sử dụng hoặc bán lại kiếm lời.

Quá trình phạm tội, các bị cáo có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự nhận thức và điều khiển hành vi phạm tội của mình là trái pháp luật nhưng do coi thường pháp luật nên đã thực hiện hành vi phạm tội.

Hành vi của các bị cáo thực hiện nêu trên có đủ căn cứ kết luận Trần Văn T phạm tội “Trộm cắp tài sản”, tội phạm và khung hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự; Trịnh Văn T phạm tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”, tội phạm và khung hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 323 Bộ luật hình sự như cáo trạng của Viện kiểm sát đã truy tố và lời luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa là hoàn toàn đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Vụ án thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm hại đến quyền sở hữu về tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, ảnh hưởng đến trật tự an toàn xã hội gây hoang mang, lo lắng trong cuộc sống bình thường của nhân dân. Bởi vậy, căn cứ vào tính chất, mức độ phạm

tội của các bị cáo, cần thiết phải xử phạt bằng hình phạt tù, tương xứng với hành vi phạm tội mà các bị cáo thực hiện.

[4] Các bị cáo phạm tội không có tình tiết tăng nặng.

Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; đầu thú; bị cáo T đã tự nguyện khắc phục hậu quả. Do đó, các bị cáo nhất thời phạm tội, có địa chỉ và nơi cư trú rõ ràng nên không cần thiết phải cách ly khỏi xã hội mà cho các bị cáo được cải tạo tại địa phương như Viện kiểm sát đề nghị cũng đủ niềm tin để các bị cáo trở thành công dân tốt cho xã hội.

[5] Về hình phạt bổ sung: Điều kiện hoàn cảnh gia đình các bị cáo khó khăn về kinh tế nên miễn phạt tiền bổ sung cho bị cáo T; không khấu trừ thu nhập đối với bị cáo T.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại đã nhận lại tài sản, không yêu cầu gì thêm nên miễn xét.

[7] Về vật chứng vụ án:

Đối với 01 chiếc điện thoại Sam sung galaxy A32 là tài sản của chị Bhling Thị R; 01 chiếc điện thoại Vivo V2154 là tài sản của chị Nguyễn Thị T; các bị cáo T, T sử dụng vào việc phạm tội, chị R và chị T không biết nên trả lại cho các chủ sở hữu.

Đối với 01 chiếc xe mô tô biển kiểm soát 37K4-7981, đây là tài sản, là phương tiện đi lại duy nhất của gia đình bị cáo, bị cáo sử dụng vào việc phạm tội nhưng chị Bhling Thị R không biết nên trả lại cho chị Bhling Thị R.

[8] Bị cáo T phải chịu án phí hình sự theo quy định của pháp luật; bị cáo T thuộc hộ cận nghèo nên được miễn án phí hình sự sơ thẩm theo điểm d khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội.

Bởi các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015 đối với Trần Văn T.

Căn cứ khoản 1 Điều 323; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 36 Bộ luật hình sự năm 2015 đối với Trịnh Văn T.

2. Xử phạt:

- Xử phạt bị cáo Trần Văn T 09 (Chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 18 (Mười tám) tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (10/9/2024) về tội “Trộm cắp tài sản”.

Giao bị cáo Trần Văn T cho UBND xã QM, huyện QL, tỉnh Nghệ An giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách; Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

- Xử phạt bị cáo Trịnh Văn T 09 (Chín) tháng cải tạo không giam giữ về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” nhưng được trừ 18 ngày cải tạo không giam giữ, thời gian còn lại phải thi hành 08 tháng 12 ngày cải tạo không giam giữ. (Do bị cáo bị tạm giữ từ ngày 26/6/2024 đến ngày 02/7/2024 là 06 ngày x 3 = 18 ngày cải tạo không giam giữ). .

Thời hạn cải tạo không giam giữ của bị cáo Trịnh Văn T được tính từ ngày Cơ quan thi hành án Hình sự Công an huyện Quỳnh Lưu nhận được quyết định thi hành án.

Giao bị cáo Trịnh Văn T cho UBND xã QH, huyện QL, tỉnh Nghệ An giám sát, giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ.

3. Căn cứ Điều 47 của Bộ luật hình sự năm 2015; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự: Trả lại cho bị cáo Trả lại cho chị Bling Thị R 01 chiếc điện thoại Samsung galaxy A32 và 01 chiếc xe mô tô biển kiểm soát 37K4-7981; trả lại cho chị Nguyễn Thị T 01 chiếc điện thoại Vivo V2154 (Số lượng, đặc điểm như trong Biên bản giao nhận vật chứng ngày 16/8/2024 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Quỳnh Lưu và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quỳnh Lưu).

4. Về án phí: Căn cứ vào Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội; buộc bị cáo Trịnh Văn T phải chịu 200.000đ tiền án phí hình sự sơ thẩm;

Căn cứ vào điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội, miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo Trần Văn T.

5. Các bị cáo, Người bào chữa; Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị hại; Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan;
- VKSND H. Quỳnh Lưu;
- CQĐT Công an H. Quỳnh Lưu;
- Cơ quan THAHSCA H. Quỳnh Lưu;
- Thi hành án hình sự;
- Chi cục THADS H. Quỳnh Lưu;
- VKSND tỉnh Nghệ An;
- TAND tỉnh Nghệ An;
- Sở Tư pháp tỉnh Nghệ An;
- UBND xã QH, QM;
- Lưu hồ sơ, VPTA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Ngọc Hà

